

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 67,100 VNĐ |         |         |
| 31/03/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | 8.2%       | 33.1%   | 31.5%   |

|                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch         | HNX             |
| Khoảng giá 52 tuần    | 43,268 - 72,500 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 737             |
| Số lượng CPLH (CP)    | 10,988,059      |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 39,575          |
| Sở hữu nước ngoài     | 3.1%            |
| Beta                  | 0.42            |
| EPS                   | 3,993           |
| P/E                   | 16.8            |

DT thuần

Q1/24

342

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.0| 7.8%

YoY: ▼ 8.00| -2.4%

LN trước thuế

Q1/24

13.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 6.80| -34.4%

YoY: ▼ 30.0| -69.7%

LN sau thuế

Q1/24

10.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 4.80| -31.3%

YoY: ▼ 24.1| -69.7%

ROA

2023

9.4%

+/- YoY: ▼ 20.0%

DT thuần

2023

1,259

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 117| -8.5%

LN trước thuế

2023

85.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 135| -61.2%

LN sau thuế

2023

67.7

tỷ VNĐ

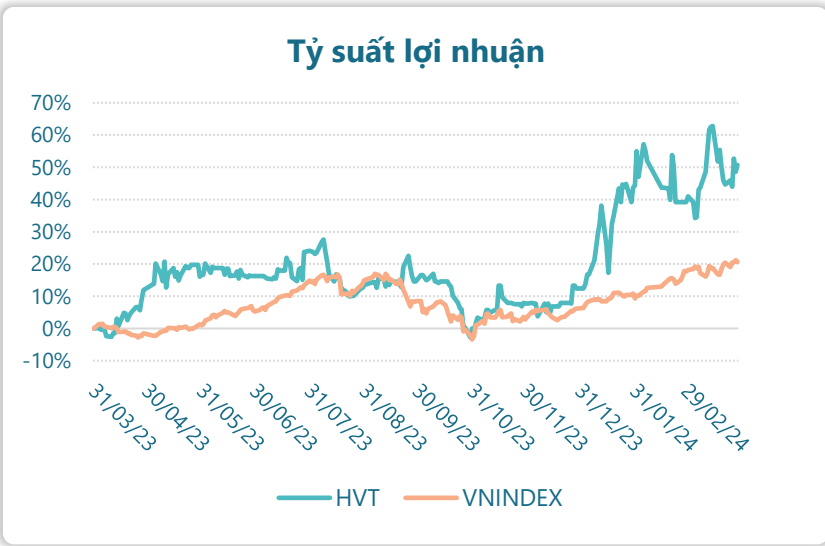
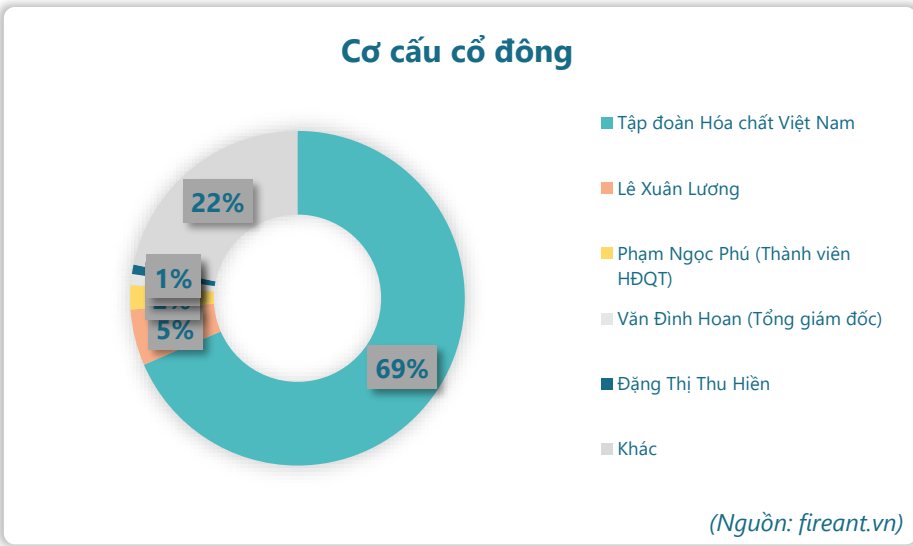
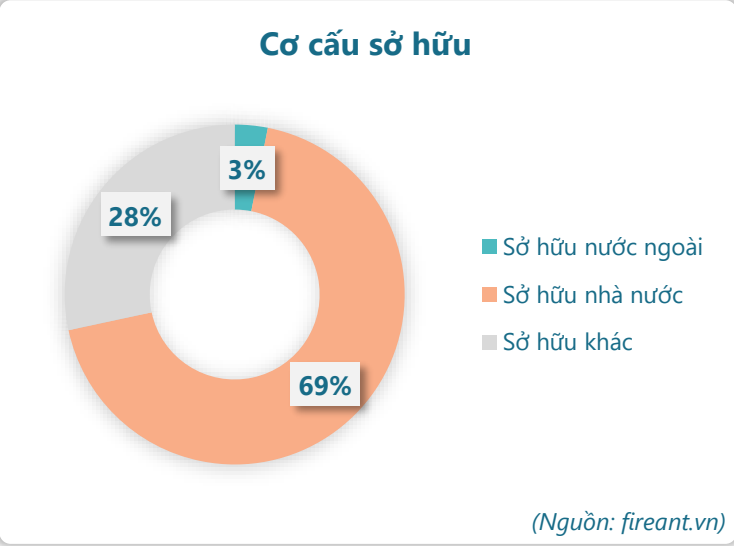
YoY: ▼ 109| -61.8%

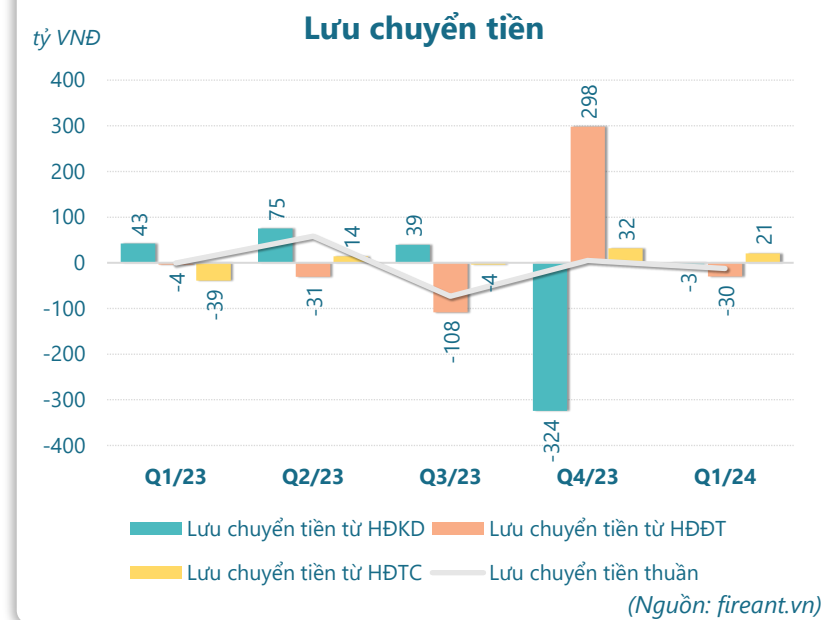
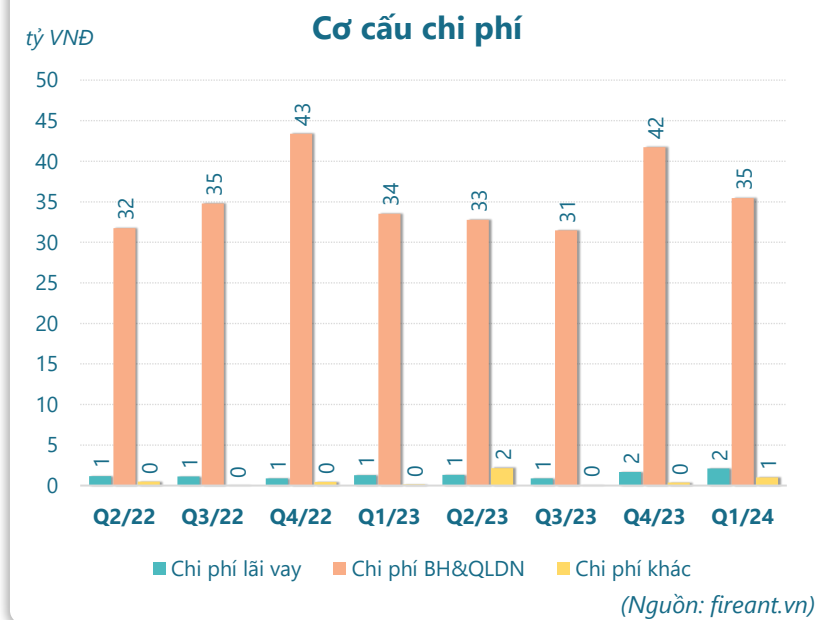
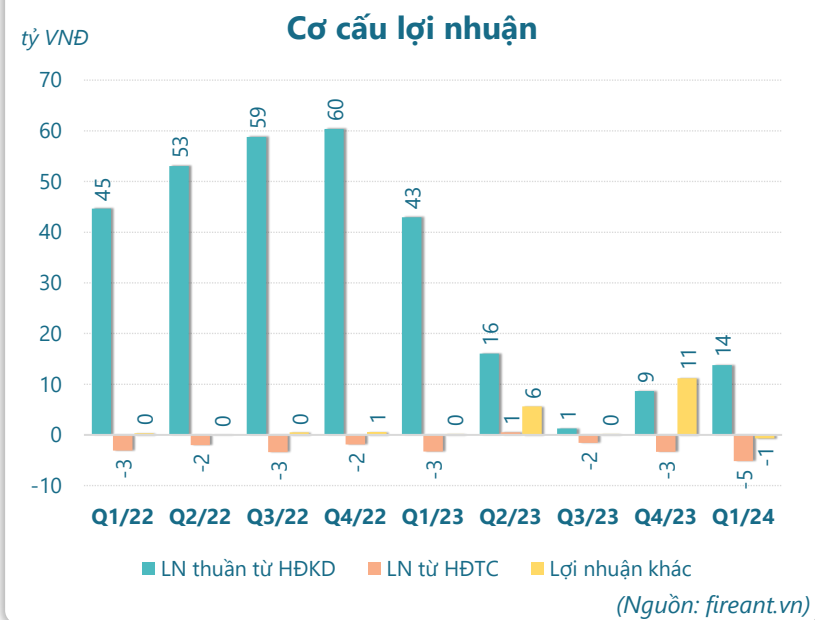
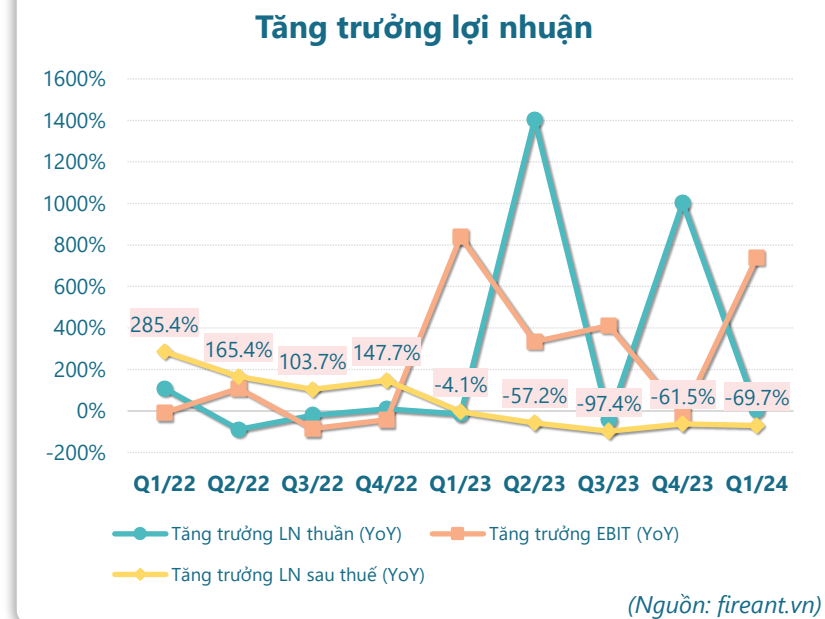
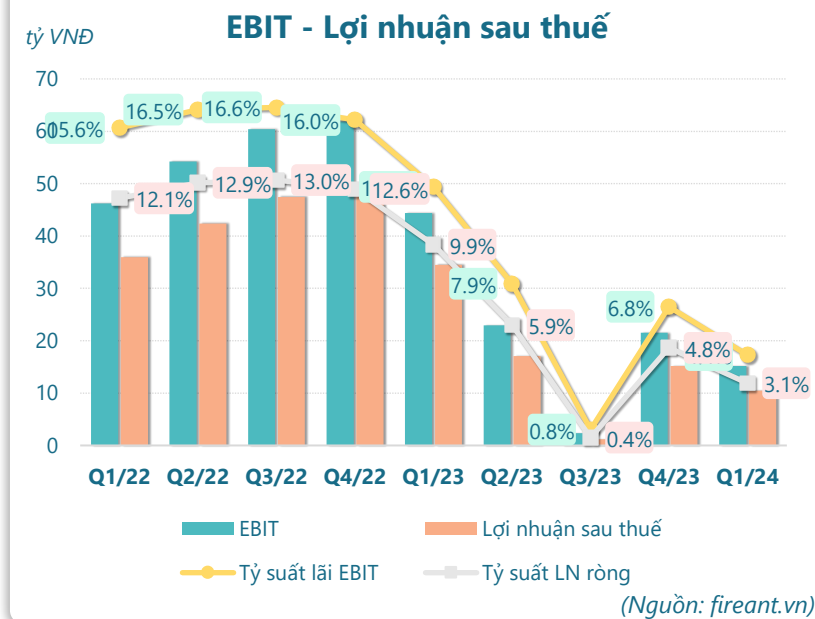
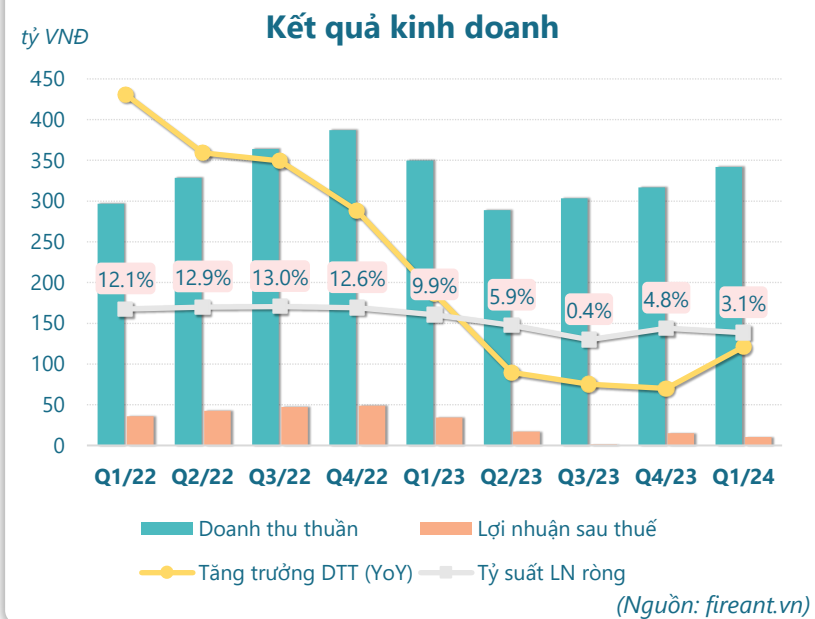
ROE

2023

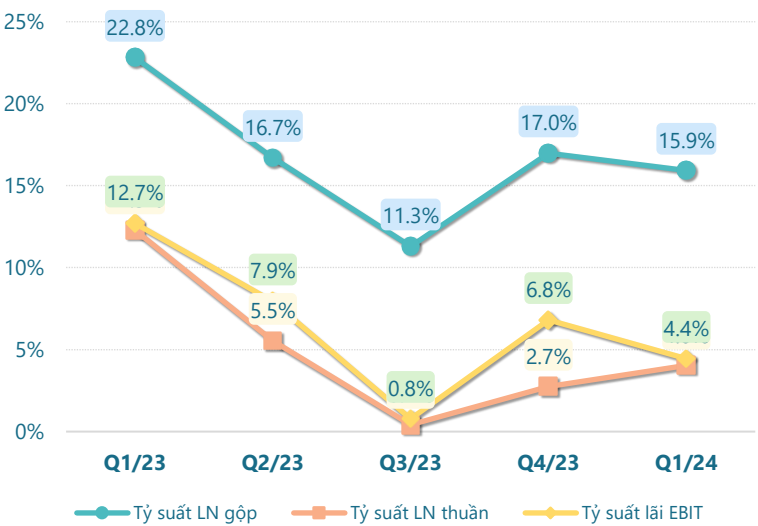
16.2%

+/- YoY: ▼ 32.9%



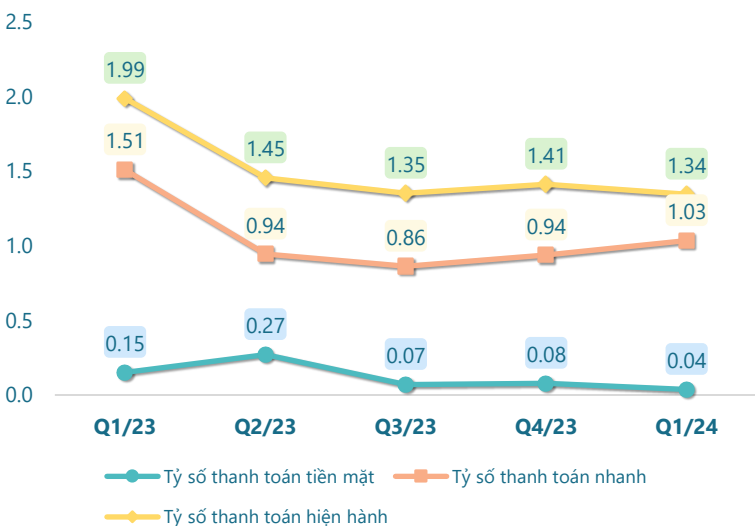


Tỷ suất lợi nhuận



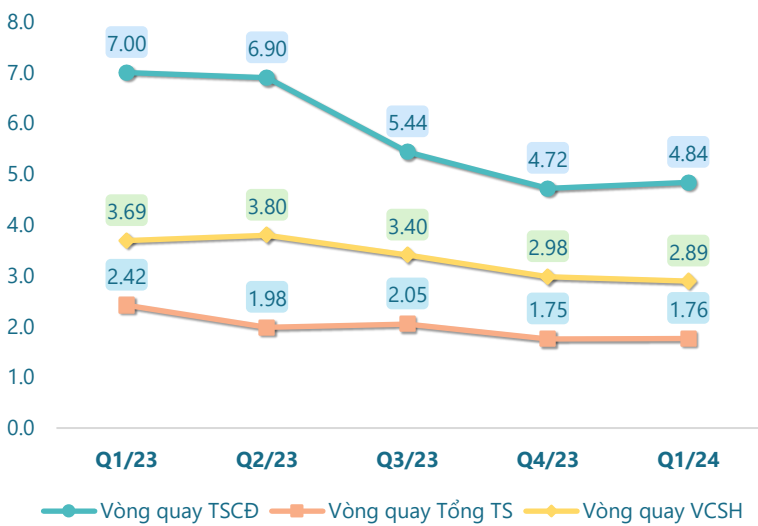
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



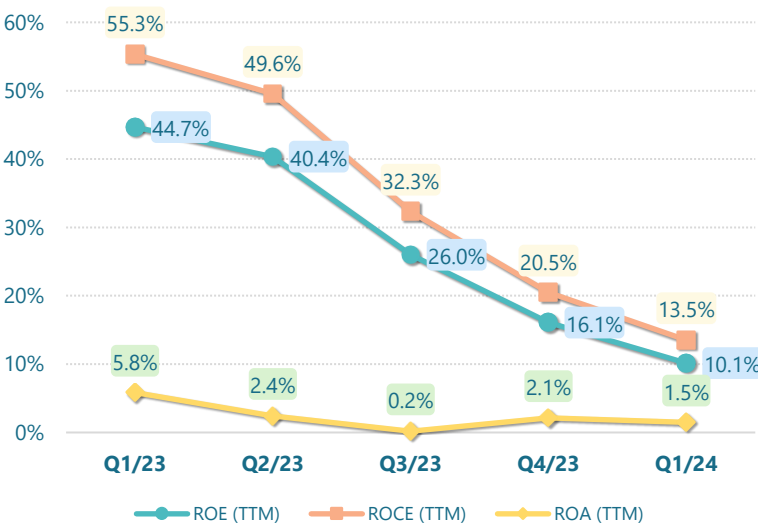
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



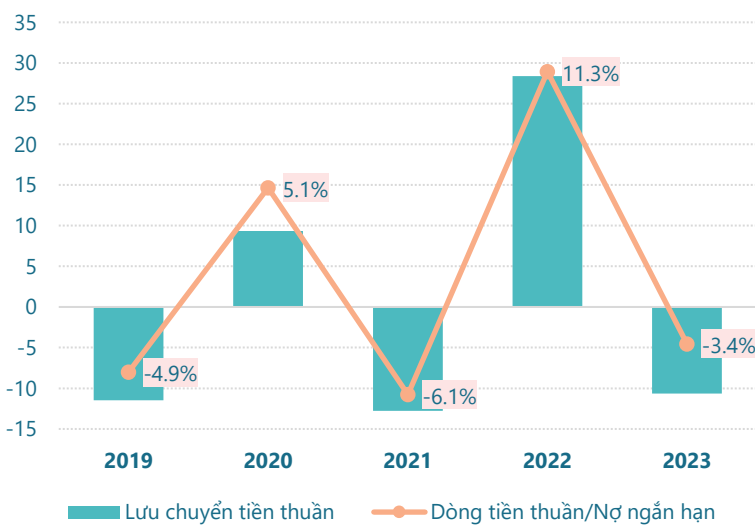
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



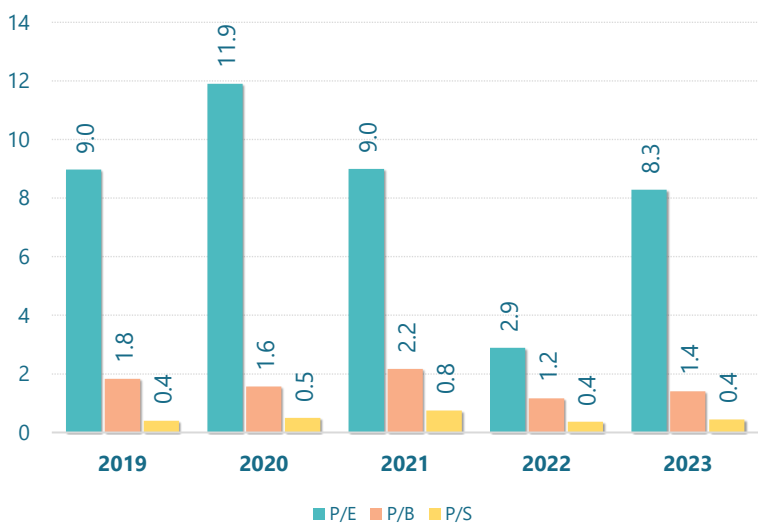
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)